

Bản án số: 95/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24/5/2021

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN VĂN TÁM**

2. Ông **QUÁCH TRUNG SƠN**

-Thư ký phiên tòa: Bà **ÂU THỊ THẢO** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **ĐOÀN MINH V**, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị **NGUYỄN THỊ THU N**, sinh năm 1994

Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Anh V có mặt, chị N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tờ tự khai, nguyên đơn anh Đoàn Minh V trình bày:

Anh và chị N xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm thường xuyên tranh cãi và anh chị đã chính thức ly thân luôn từ đó cho đến nay. Nay anh cương quyết yêu cầu được ly hôn chị N.

Con chung có hai cháu tên Đoàn Nguyễn Thiên Kim H, sinh ngày 07/6/2014; Đoàn Gia K, sinh ngày 15/4/2018 hiện đang sống với anh. Nay anh yêu cầu được nuôi hai con chung, yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu N không có văn bản ý kiến và vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên. Bị đơn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Chị Nguyễn Thị Thu N vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Tại phiên tòa, anh V trình bày do quen biết nên anh và chị N xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Sau khi cưới, anh chị chỉ sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm vợ chồng hay cãi vã làm cuộc sống vợ chồng mất hạnh phúc, không còn tình cảm và anh chị đã chính thức ly thân luôn từ đó cho đến nay. Nay anh cương quyết yêu cầu ly hôn chị N. Xét thấy, cho anh V được ly hôn chị N là có cơ sở. Bởi lẽ, từ khi ly thân tới nay anh chị cũng không có phương án nào để hàn gắn xây dựng tổ ấm chăm sóc con nhỏ và tại phiên tòa hôm nay anh V khẳng định không còn tình cảm vợ chồng với chị N. Đồng thời, quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho chị N để đảm bảo quyền nêu ý kiến của chị, cũng như hoà giải để anh chị đoàn tụ nhưng chị N vẫn không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, chị cố tình từ bỏ quyền phản đối, quyền chứng minh của mình và thể hiện chị không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh V nên không có biện pháp nào để hàn gắn, đoàn tụ được. Do đó, cuộc sống hôn nhân của anh chị đã thật sự đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh V là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Có hai cháu tên Đoàn Nguyễn Thiên Kim H, sinh ngày 07/6/2014; Đoàn Gia K, sinh ngày 15/4/2018 hiện đang sống với anh V. Xét thấy, tiếp tục giao hai cháu cho anh V nuôi là có cơ sở. Bởi lẽ, hai cháu đã sống ổn định với anh V từ khi vợ chồng ly thân đến nay cũng như bản thân cháu H có nguyện vọng được sống với cha khi cha mẹ ly hôn. Đồng thời, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị N không cung cấp bất kỳ văn bản ý kiến gì liên quan đến yêu cầu được nuôi con chung của anh V. Từ đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý, đời sống học tập của các cháu nên tiếp tục giữ nguyên hiện trạng việc nuôi con chung là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Tại Tòa, anh V có yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định pháp luật là 745.000đ/tháng/cháu. Xét thấy, yêu cầu của anh V là có cơ sở để chấp nhận và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình là “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Từ đó, buộc chị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu số tiền 745.000đ/tháng/cháu đến khi hai cháu trưởng thành tròn 18 tuổi là phù hợp.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh V xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết cũng như chị N không có ý kiến gì liên quan đến tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[6] *Về án phí:* Anh V phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và chị N phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Đoàn Minh V. Cho anh Đoàn Minh V được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu N.

Về con chung: Tiếp tục giao hai cháu tên Đoàn Nguyễn Thiên Kim H, sinh ngày 07/6/2014; Đoàn Gia K, sinh ngày 15/4/2018 cho anh V nuôi.

Buộc chị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung theo quy định pháp luật số tiền 745.000đ/tháng/cháu. Thời gian thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung trưởng thành (tròn 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh V có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị N chậm thi hành đối với phần tiền cấp dưỡng thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Anh V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0004851 ngày 11/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như thi hành xong.

Chị N phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM